

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-ST

Ngày: 15 – 10 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Kiệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bạ;
2. Bà Nguyễn Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 189/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; trụ sở: Tầng 2, số 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cái Phước T, sinh năm 1997 hoặc ông Lê Ngọc T, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: Tầng 2, số 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2019)

- Bị đơn: Bà Lương Thị Kim K, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Tổ 1, Khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: 170/3 khu phố 2, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt ông T và bà K (bà K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/01/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi chung là ngân hàng) và bà Lương Thị Kim K đã ký hợp đồng tín dụng dưới hình thức Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Theo đó, ngân hàng cho bà K vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, mức lãi suất cho vay dao động theo cơ chế điều chỉnh lãi suất của ngân hàng (căn cứ theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ký ngày 25/01/2016). Ngày 06/02/2016, ngân hàng giải ngân số tiền vay 30.000.000 đồng cho bà K. Sau khi được ngân hàng giải ngân, bà K đã thanh toán được 13 kỳ với tổng số tiền 16.634.496 đồng gồm 7.895.221 đồng tiền gốc và 8.739.275 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, từ ngày 07/3/2017 cho đến nay bà K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 25/01/2016. Đến ngày mở phiên tòa xét xử (ngày 15/10/2019) bà K còn nợ số tiền vay gốc là 22.104.779 đồng và số tiền lãi là 25.934.373 đồng.

Ngoài ra, ngày 26/01/2016 giữa ngân hàng và bà K có ký hợp đồng tín dụng dưới hình thức Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Theo đó, ngân hàng mở thẻ tín dụng cho bà K với hạn mức 10.000.000 đồng, loại thẻ MC2, mức lãi suất dao động theo từng thời kỳ (căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/01/2016). Quá trình sử dụng thẻ, bà K đã sử dụng tổng cộng số tiền 37.124.690 đồng và bà K đã trả được 30.860.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 23/3/2017 bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 26/01/2016. Đến ngày mở phiên tòa xét xử (ngày 15/10/2019) bà K còn nợ số tiền vay gốc là 9.192.720 đồng và số tiền lãi là 17.199.326 đồng.

Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Lương Thị Kim K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay dư nợ gốc 22.104.779 đồng và số tiền lãi là 25.934.373 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 25/01/2016.

Buộc bà Lương Thị Kim K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay dư nợ gốc 9.192.720 đồng và số tiền lãi là 17.199.326 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 26/01/2016.

Buộc bà Lương Thị Kim K phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/10/2019 trên số tiền dư nợ gốc của từng hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nêu trên theo mức lãi suất trong các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với bà Lương Thị Kim K ngày 25/01/2016 và 26/01/2016.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng

tín dụng ngày 25/01/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/01/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với bà Lương Thị Kim K; bảng sao kê tài khoản thẻ; Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ.

- Theo bản tự khai bà Lương Thị Kim K trình bày: Bà K có vay tiền của ngân hàng V thông qua hình thức hợp đồng tín dụng ký ngày 25/01/2016 (vay số tiền 30.000.000 đồng) và hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 26/01/2016 (cấp hạn mức 10.000.000 đồng). Nội dung thỏa thuận về thời hạn vay, mức lãi suất và phương thức thanh toán đúng như nội dung các bản hợp đồng mà ngân hàng cung cấp cho Tòa án. Tính đến ngày 24/9/2019, bà K còn nợ ngân hàng V số tiền 72.635.064 đồng gồm 31.297.499 đồng tiền gốc (nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 22.104.779 đồng và nợ gốc của hợp đồng thẻ tín dụng là 9.192.720 đồng) và 41.671.347 đồng tiền lãi (nợ lãi hợp đồng tín dụng là 25.350.255 đồng và nợ lãi của hợp đồng thẻ tín dụng là 16.321.092 đồng) theo hợp đồng tín dụng ký ngày 25/01/2016 và hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 26/01/2016. Do đó bà K chấp nhận trả số tiền còn nợ 72.635.064 đồng cho Ngân hàng TMCP V. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn xin trả dần hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Đồng thời, do bà K bận công việc, không thể đến Tòa án tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lương Thị Kim K thanh toán số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng)” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với bà Lương Thị Kim K, bị đơn bà K có địa chỉ tạm trú tại 170/3 khu phố 1, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng) giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với bà Lương Thị Kim K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị Kim K có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà K.

[2] Về nội dung: Trong quá trình tham gia tố tụng, Bà K và Ngân hàng TMCP V thống nhất với nhau về nội dung thỏa thuận về thời hạn vay, mức lãi suất và phương thức thanh toán đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà K với ngân hàng thông qua hình thức hợp đồng tín dụng ký ngày 25/01/2016 và hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 26/01/2016. Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 24/9/2019, bà K thừa nhận đến ngày 24/9/2019 còn nợ ngân hàng TMCP V số tiền 72.635.064 đồng gồm 31.297.499 đồng tiền gốc (nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 22.104.779 đồng và nợ gốc của hợp đồng thẻ tín dụng là 9.192.720 đồng) và 41.671.347 đồng tiền lãi (nợ lãi hợp đồng tín dụng là 25.350.255 đồng và nợ lãi của hợp đồng thẻ tín dụng là 16.321.092 đồng) theo hợp đồng tín dụng ký ngày 25/01/2016 và hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 26/01/2016. Do đó, Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà K phải thanh toán số tiền vay nợ gốc và tiền lãi. Cụ thể: Buộc bà Lương Thị Kim K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay dư nợ gốc 22.104.779 đồng và số tiền lãi là 25.934.373 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 25/01/2016; buộc bà Lương Thị Kim K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay dư nợ gốc 9.192.720 đồng và số tiền lãi là 17.199.326 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 26/01/2016; buộc bà Lương Thị Kim K phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/10/2019 trên số tiền dư nợ gốc của từng hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nêu trên theo mức lãi suất trong các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với bà Lương Thị Kim K ngày 25/01/2016 và 26/01/2016 là có cơ sở chấp nhận.

Bà Lương Thị Kim K cho rằng hiện nay do gặp khó khăn về kinh tế nên xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng và yêu cầu này của bà K không được ngân hàng chấp nhận. Xét thấy yêu cầu trên của bà K là không có căn cứ xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bà Lương Thị Kim K về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (hợp đồng tín dụng).

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Bà Lương Thị Kim Khéo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (hợp đồng tín dụng) đối với bà Lương Thị Kim K.

Buộc bà Lương Thị Kim K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay dư nợ gốc 22.104.779 đồng và số tiền lãi là 25.934.373 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 25/01/2016.

Buộc bà Lương Thị Kim K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay dư nợ gốc 9.192.720 đồng và số tiền lãi là 17.199.326 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 26/01/2016.

Buộc bà Lương Thị Kim K phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/10/2019 trên số tiền dư nợ gốc của từng hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nêu trên theo mức lãi suất trong các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với bà Lương Thị Kim K ngày 25/01/2016 và 26/01/2016.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Thị Kim Khéo phải chịu 3.721.559 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 1.588.155 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0035756 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lương Thị Kim K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (đề báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

Huỳnh Ngọc Kiệt